

DANH SÁCH HS - SV CÒN NỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018
KHOA CN MAY - THỜI TRANG (TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 19/05/2018)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	15002023	Nguyễn Thị Thanh	Nhiên	22/11/1997	15CB-MTT2	
2	15002227	Võ Thị Nguyên	Thảo	12/01/1997	15CB-MTT2	
3	15002782	Ngô Thị Thanh	Thư	27/11/1997	15CB-MTT2	
4	15002805	Trần Thị	Tiếp	01/09/1996	15CB-MTT2	
5	15000294	Trương Hải Huỳnh	Anh	08/09/2000	15TCN-MTT	
6	15000852	Nguyễn Hải	Hào	18/08/2000	15TCN-MTT	
7	15000257	Bùi Nguyễn Quốc	Khánh	29/02/2000	15TCN-MTT	
8	15003381	Nguyễn Dương Yến	Nhi	13/09/2000	15TCN-MTT	
9	15000725	Phạm Nguyễn Phương	Nhi	27/08/2000	15TCN-MTT	
10	15002461	Chạc Thanh	Phụng	05/08/2000	15TCN-MTT	
11	15003509	Tsần Hoa	Phương	25/11/2000	15TCN-MTT	
12	15002374	Phạm Thạch	Thảo	10/05/2000	15TCN-MTT	
13	15000202	Huỳnh Nguyễn Thủy	Tiên	05/05/2000	15TCN-MTT	
14	15003413	Nguyễn Giao Cát	Tường	30/01/2000	15TCN-MTT	
15	16001855	Trần Thị Kim	Quy	15/09/1998	16CB-MTT1	Môn GDQP
16	16001926	Lê Thị Hồng	Quyên	09/05/1998	16CB-MTT1	Môn GDQP
17	16003882	Trương Thị Lam	Linh	22/08/1995	16CB-MTT1	
18	16001483	Văn Thị Thu	Trâm	14/04/1998	16CB-MTT1	
19	16001900	Phạm Thị Yến	Trình	12/03/1997	16CB-MTT1	
20	16003471	Hồ Thị Kim	Giang	17/12/1998	16CB-MTT2	Môn GDQP
21	16002876	Trần Thị Ngọc	Thu	22/07/1998	16CB-MTT2	Môn GDQP
22	16003863	Phan Huỳnh Anh	Thư	14/03/1998	16CB-MTT2	Môn GDQP
23	16002730	Võ Thị Ngọc	Dung	06/08/1997	16CB-MTT2	
24	16002263	Trần Thị Mỹ	Linh	28/10/1997	16CB-MTT2	
25	16002745	Nguyễn Phương	Nghi	05/09/1998	16CB-MTT2	
26	16003450	Phan Thị Thùy	Nhung	18/05/1996	16CB-MTT2	
27	16000417	Huỳnh Ngọc Bảo	My	24/10/2001	16TC-MTT	
28	16000121	Nguyễn Trọng	Nhân	12/12/2001	16TC-MTT	
29	16000039	Nguyễn Thị Bích	Phượng	13/06/2001	16TC-MTT	
30	16000804	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	21/05/2001	16TC-MTT	
31	16000232	Đặng Thanh	Trà	08/12/2000	16TC-MTT	
32	16000245	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	26/09/2001	16TC-MTT	
33	16002494	Nguyễn Thảo	Vy	16/08/2001	16TC-MTT	
34	16000458	Nguyễn Thị Khánh	Vy	01/05/2000	16TC-MTT	
35	17002824	Nguyễn Phương	Dần	10/01/1999	17C1-CNM1	
36	17001797	Phạm Thị Ngọc	Huyền	07/10/1998	17C1-CNM1	
37	17000823	Nguyễn Anh	Khoa	05/09/1999	17C1-CNM1	
38	17001780	Phùng Xuân	Lý	01/09/1999	17C1-CNM1	
39	17002609	Nguyễn Thị Thuý	Nga	22/02/1999	17C1-CNM1	
40	17001559	Phạm Việt	Nhân	02/03/1998	17C1-CNM1	
41	17001759	Châu Hồng	Nhung	25/11/1999	17C1-CNM1	
42	17004631	Nguyễn Thị	Ninh	25/02/1997	17C1-CNM1	
43	17002858	Hồ Thị Mỹ	Nương	06/07/1999	17C1-CNM1	
44	17001992	Võ Hoàng	Tài	24/11/1999	17C1-CNM1	
45	17000811	Mai Ngọc	Trâm	15/11/1999	17C1-CNM1	
46	17004634	Nguyễn Vũ Phát	Đạt	08/10/1997	17C1-CNM2	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
47	17003597	Châu Thị Thùy	Dung	30/09/1999	17C1-CNM2	
48	17003373	Đinh Trần Hạnh	Dung	20/04/1999	17C1-CNM2	
49	17004088	Lại Lộc	Lợi	20/01/1998	17C1-CNM2	
50	17004002	Nguyễn Hoài	Nam	27/12/1999	17C1-CNM2	
51	17004001	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	19/04/1999	17C1-CNM2	
52	17003906	Đào Thị Kiều	Nhi	28/01/1995	17C1-CNM2	
53	17003492	Bùi Thị Kim	Oanh	19/06/1999	17C1-CNM2	
54	17003326	Huỳnh Văn	Thi	08/02/1999	17C1-CNM2	
55	17003394	Nguyễn Thị	Trang	16/04/1998	17C1-CNM2	
56	17003687	Nguyễn Thị Hạnh	Trình	04/11/1999	17C1-CNM2	
57	17003197	Nguyễn Ngọc	Chăm	21/07/2001	17T4-CNM1	
58	17003330	Trần Thế	Chiến	20/10/2000	17T4-CNM1	
59	17004690	Võ Thị Hồng	Diệp	09/12/2002	17T4-CNM1	
60	17000254	Vưu Thụy Thùy	Dương	19/7/2002	17T4-CNM1	
61	17000594	Đoàn Thị Quý	Duyên	20/02/2002	17T4-CNM1	
62	17003015	Nguyễn Thành	Long	07/01/2002	17T4-CNM1	
63	17000133	Đặng Thị Tuyết	Mai	12/01/2002	17T4-CNM1	
64	17002717	Chung Bảo	Nhi	03/01/2001	17T4-CNM1	
65	17000094	Vũ Thị Phương	Thảo	4/6/2002	17T4-CNM1	
66	17004819	Nguyễn Ngọc Lam	Thùy	16/12/2001	17T4-CNM1	
67	17004802	Nguyễn Trần Mỹ	Tiên	16/04/1998	17T4-CNM1	
68	17003409	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	21/02/2002	17T4-CNM1	
Tổng cộng: 68 HS - SV						